



dù zi
肚子

Noun · belly

Example Sentences

wǒ de dù zi è le
我的肚子饿了。

My stomach is hungry.

wǒ chī le tài duō bīng qí lín xiàn zài dù zi hěn téng
我吃了太多冰淇淋，现在肚子很疼。

I ate too much ice cream, and now my stomach hurts.

tā yīn wèi jǐn zhāng dù zǐ tū rán téng le qǐ lái
他因为紧张，肚子突然疼了起来。

He suddenly got a stomachache because he was nervous.

Trace each character, then write the word on your own.

肚	肚	肚	肚	肚	肚	肚	肚	肚	肚
子	子	子	子	子	子				